

Bản án số: 560/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03/6/2020
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn
2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1986/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/10/2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T; cư trú tại: Số nhà 749/11 Đường X, Phường 26, quận B, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Đặng Văn H; cư trú tại: Số nhà 127 đường Q, Phường 26, quận B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2019, bản tự khai, nguyên đơn trình bày: bà và ông Đặng Văn H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND Phường 26, quận B, Thành phố H theo giấy công nhận kết hôn số 19, quyển số 01, ngày 11/4/1983. Trong thời gian sống chung ông, bà có những bất đồng trong quan điểm cuộc sống và do ông H có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến không hạnh phúc. Mặc dù đã cố gắng để hòa giải nhưng ông bà không hàn gắn được tình cảm và đã ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Nhận thấy, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Đặng Y sinh ngày 10/01/1984 và Đặng T sinh ngày 31/5/1986.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và biên bản hòa giải của Tòa án, bị đơn trình bày: Thống nhất với phần trình bày của bà Nguyễn Thị T về thời điểm kết hôn, con chung. Ông xác nhận vợ chồng ông không hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do đôi bên bất đồng về quan điểm và do ông bà cho con mượn nhà, ký hợp đồng tặng cho nhà cho con để con làm ăn. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên ông đồng ý ly hôn với bà T.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về việc ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, thấy căn cứ Giấy công nhận kết hôn số 19, quyển số 01, ngày 11/4/1983 do Ủy ban nhân dân Phường 26, quận B, Thành phố H cấp cho bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn H thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Trong quá trình Tòa giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày đôi bên chung sống không hạnh phúc và đã ly thân 02 năm; bị đơn cũng xác nhận vợ chồng bất đồng về quan điểm, đang ly thân và đồng ý với ly hôn với nguyên đơn. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là Đặng Y sinh ngày 10/01/1984 và Đặng T sinh ngày 31/5/1986. Các con của nguyên đơn và bị đơn đã thành niên.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị T:

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Đặng Văn H.

- Về con chung: Đã thành niên.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng bà Nguyễn Thị T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2018/0021994 ngày 15/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND P. 26, Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh